

Số: 23 /BC-UBND

Phước Tân, ngày 27 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021

Thực hiện Công văn số 72/HKL-QLBVR ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chính sách, pháp luật về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021;

Ủy ban nhân dân xã Phước Tân báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Vị trí địa lý:

Xã Phước Tân nằm ở phía Tây nam của huyện Bác Ái cách trung tâm huyện 17 km, có tứ cận:

- Phía Đông giáp xã Phước Tiến huyện Bác Ái
- Phía Tây giáp xã Phước Hòa huyện Bác Ái
- Phía Nam giáp huyện Ninh Sơn
- Phía Bắc giáp xã Phước Bình huyện Bác Ái

2. Địa hình:

Phước Tân là xã có địa hình phức tạp, đồi núi cao, hiểm trở, nhiều sông suối chia cắt nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn ảnh hưởng rất lớn đến việc chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng.

3. Khí hậu, thủy văn:

- Khí hậu: Phước Tân chịu ảnh hưởng của khí hậu lục địa bán khô hạn, thời gian khô hạn kéo dài trong năm. Lượng mưa bình quân hàng năm từ 1200-1500 mm tập trung từ tháng 06 đến tháng 11 trong năm.

- Thủy văn: Tổng chiều dài sông suối khoảng 570 km, phần lớn là suối nhỏ nên mùa khô đều bị cạn nước. Một số con suối lớn như Ma Lâm, Trà Co có nước quanh năm, hiện nay đã có hồ chứa nước Ma Ty. Đây cũng là điều kiện rất tốt để phục vụ cho công tác PCCCR.

Phước Tân có hệ thống sông suối như sông Cái chảy từ Phước Bình về đi qua tiểu khu 58a, hệ thống sông Ma Lâm, sông Trà Co.

4. Giao thông đi lại

Xã Phước Tân có tuyến đường chính đi qua tất cả các thôn, phương tiện đều đi lại tới các thôn.

Phước Tân – Phước Tiên: 02 km

Phước Tân – Ma Lâm: 10 km

Ngoài ra còn có các con đường mòn nhỏ liên thôn các phương tiện xe máy đều đi lại được.

DIỆN TÍCH CÁC LOẠI RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP THEO MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG

Đơn vị : Ha

Phân loại rừng	Tổng diện tích	Diện tích trong quy hoạch	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Ngoài quy hoạch
Tổng rừng và đất lâm nghiệp	4.809,69	4.809,69	0,00	3.207,04	1.602,65	0,00
I. Rừng phân theo nguồn gốc	3.196,77	3.196,77	0,00	2.676,29	520,48	0,00
1. Rừng tự nhiên	3.086,40	3.086,40	0,00	2.666,36	420,04	0,00
Rừng thứ sinh	3.086,40	3.086,40	0,00	2.666,36	420,04	0,00
2. Rừng trồng	110,37	110,37	0,00	9,93	100,44	0,00
Rừng trồng mới trên đất chưa từng có rừng	32,85	32,85	0,00	9,05	23,80	0,00
Trồng lại trên đất đã từng có rừng	5,20	5,20	0,00	0,00	5,20	0,00
Trong đó: Rừng trồng cao su, đặc sản	32,54	32,54	0,00	9,48	23,06	0,00
Rừng trồng cây đặc sản	32,54	32,54	0,00	9,48	23,06	0,00
II. Rừng phân theo điều kiện lập địa	3.196,77	3.196,77	0,00	2.676,29	520,48	0,00
1. Rừng trên núi đất	3.196,77	3.196,77	0,00	2.676,29	520,48	0,00
III. Rừng TN phân theo loài cây	3.086,40	3.086,40	0,00	2.666,36	420,04	0,00
1. Rừng gỗ	2.945,95	2.945,95	0,00	2.525,91	420,04	0,00
- Rừng gỗ lá rộng TX hoặc nửa rụng lá	1.259,67	1.259,67	0,00	1.259,67	0,00	0,00
- Rừng gỗ lá rộng rụng lá	1.659,52	1.659,52	0,00	1.239,48	420,04	0,00
- Rừng gỗ hỗn giao lá rộng và kim	26,76	26,76	0,00	26,76	0,00	0,00
2. Rừng tre nứa	46,26	46,26	0,00	46,26	0,00	0,00
- Lò ô	46,26	46,26	0,00	46,26	0,00	0,00
3. Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa	0,00	0,00	0,00	94,19	0,00	0,00
- Gỗ là chính	0,00	0,00	0,00	25,66	0,00	0,00
- Tre nứa là chính	46,26	46,26	0,00	68,53	0,00	0,00
IV. Rừng gỗ TN phân theo trữ lượng	2.945,95	2.945,95	0,00	2.525,91	420,04	0,00
1. Rừng giàu	268,82	268,82	0,00	268,82	0,00	0,00

2. Rừng trung bình	10,20	10,20	0,00	327,69	0,00	0,00
3. Rừng nghèo	1.338,87	1.338,87	0,00	768,71	231,66	0,00
4. Rừng nghèo kiệt	1.612,92	1.612,92	0,00	0,00	10,20	0,00
5. Rừng phục hồi	66,18	66,18	0,00	1.160,69	178,18	0,00
V. Đất chưa có rừng QH cho LN	60,32	60,32	0,00	530,75	0,00	0,00
1. Đất có rừng trồng chưa thành rừng	424,00	424,00	0,00	4,99	61,19	0,00
2. Đất trồng có cây gỗ tái sinh	89,00	89,00	0,00	39,18	21,14	0,00
3. Đất trồng không có cây gỗ tái sinh	0,00	0,00	0,00	315,30	109,59	0,00
4. Núi đá không cây	1.032,70	1.032,70	0,00	0,00	0,00	0,00
5. Đất có cây nông nghiệp	28,83	28,83	0,00	171,28	861,42	0,00
6. Đất khác trong lâm nghiệp			0,00	0,00	28,83	0,00

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng); tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021 trên địa bàn xã.

1. Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện về công tác quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng trong giai đoạn 2016 – 2021:

- Luật Lâm nghiệp năm 2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Luật dân quân tự vệ số 48/2019/QH14 của Quốc hội có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2020;
- Nghị định số 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực lâm nghiệp;
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy;
- Thông tư 25/2017/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng;
- Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;
- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;
- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;

- Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ;

- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy;

- Kế hoạch số 65-KH/TU ngày 10/5/2017 của Tỉnh ủy Ninh Thuận Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 14/10/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, thực hiện có hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2014-2015 và những năm tiếp theo;

- Quyết định số 3076/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016 về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Ninh Thuận năm 2016;

- Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành phê duyệt kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 16/7/2019 của UBND tỉnh Ninh Thuận về bổ sung một số nội dung tại Điều 1 Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành phê duyệt kết quả quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định 241/QĐ-UBND ngày 19/8/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận về điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025;

- Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 30/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức chi bồi dưỡng cho các tổ chức, cá nhân được huy động hoặc tự nguyện tham gia ngăn chặn tình trạng phá rừng trái pháp luật và chữa cháy rừng;

- Quy chế phối hợp số 432/QCPLN/SNNPTNT-CAT-BCHQS, ngày 19/09/2014 về quy chế phối hợp liên ngành giữa 3 lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân đội;

- Văn bản số 163/BCĐ ngày 09/11/2020 của Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững huyện Bác Ái về việc xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng năm 2021.

2. Công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành, tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng giai đoạn 2016 – 2021:

Qua 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết của số 43/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 và các Nghị quyết của HĐND tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2021; nhận thức, ý thức,

trách nhiệm của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, công chức và Nhân dân trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được nâng lên rõ rệt. Cấp ủy đảng, UBND xã, đơn vị chủ rừng đã tập trung tổ chức thực hiện và triển khai nhiều biện pháp, giải pháp quyết liệt trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, do đó tình hình vi phạm trên địa bàn đã giảm cả về số vụ, mức độ thiệt hại gây ra đối với rừng, các trường hợp lấn chiếm rừng giảm đáng kể.

UBND xã cũng quan tâm củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy, kiểm tra truy quét theo Chỉ thị 12 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó, phân công đồng chí Phó Chủ tịch UBND xã làm trưởng trưởng BCH, thường xuyên chỉ đạo lực lượng tăng cường công tác tuần tra, kiểm tra rừng, trên địa bàn, kiểm tra những điểm nóng, nắm tình hình thực tế công tác quản lý, bảo vệ rừng để kịp thời chỉ đạo.

3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

Trong 05 năm, Đảng ủy, UBND xã đã chỉ đạo Ban chỉ huy của xã, Kiểm lâm địa bàn phối kết hợp với đơn vị Công ty Lâm nghiệp Tân Tiến và Ban quản lý các thôn tổ chức tuyên truyền, giáo dục các văn bản Pháp luật đến từng thôn, mọi tầng lớp nhân dân. Kết quả: đã tổ chức tuyên truyền 14 đợt với 910 lượt người tham gia; tuyên truyền bằng loa phát thanh 04 đợt/tháng. Tiến hành ký cam kết 80 đối tượng liên quan đến công tác Quản lý bảo vệ rừng cam kết không vi phạm Pháp luật Bảo vệ và phát triển rừng.

III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng (rừng tự nhiên, rừng trồng):

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

- Kiện toàn Ban chỉ huy Bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng xã gồm 18 thành viên; Kiện toàn 02 tổ đội Bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng ở 02/03 thôn gồm 26 thành viên do Trưởng thôn làm Tổ trưởng.

- Tổ chức kiểm tra đôn đốc việc thực hiện các quy trình phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn xã.

- Phân công lịch trực cụ thể cho các thành viên Ban chỉ huy trực 24/24 trong những ngày cao điểm tại Văn phòng Ban chỉ huy (Trụ sở Ủy ban nhân dân xã).

- Huy động mọi lực lượng, công cụ, phương tiện tham gia chữa cháy khi có cháy rừng xảy ra.

- Xác định mức độ thiệt hại do cháy rừng gây ra, điều tra nguyên nhân gây ra cháy rừng, lập biên bản ban đầu các vụ cháy rừng. Trong 05 năm qua trên địa bàn xã có xảy ra 04 vụ cháy rừng với diện tích 0,92 ha, số người tham gia chữa cháy 108 người.

- Xây dựng Phương án, Kế hoạch QLBRV & PTR, xây dựng Kế hoạch hàng tháng, báo cáo kịp thời cho công tác tuần tra, truy quét, xây dựng các tổ đội quản chúng bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, huy động lực lượng địa phương Dân quân tự vệ, các lực lượng và phương tiện khác trong việc phòng cháy chữa cháy rừng và chống phá rừng

trái phép. Kiểm tra hoạt động Quản lý Bảo vệ rừng và Phát triển rừng, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện Pháp luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

- Phối hợp với Đoàn 12 của huyện Bác Ái, Chi cục Kiểm lâm Ninh Thuận, Tổ cơ động Hạt Kiểm lâm Bác Ái và đơn vị chủ rừng thực hiện Chỉ thị số 12 và 08/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác chống phá rừng vào các vùng trọng điểm thường xuyên xảy ra phá rừng; phối hợp với Công an Quân sự triển khai tuần tra, truy quét công tác bảo vệ rừng trên địa bàn xã, tham gia giải quyết những điểm nóng, những vụ việc cụ thể về rừng trên địa bàn theo nội dung Quy chế phối hợp giữa Công an, Quân sự và Kiểm lâm địa bàn theo Nghị định 74 của Chính phủ. Ngoài ra, còn phối hợp với 01 tổ công tác kiểm tra, kiểm soát liên ngành đóng trên địa bàn xã tiến hành kiểm tra, kiểm soát tình hình khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép trên địa bàn.

- Công tác QLBR: Trong 05 năm qua (2016-2021), Ban chỉ huy BVR&PCCCR xã tổ chức tuyên truyền 19 đợt với 1787 lượt người tham gia; vận động hộ dân cho ký cam kết 135 hộ; lập biên bản 26 vụ vi phạm, tịch thu 12,82 m³ gỗ tròn các loại thuộc nhóm 2-5; 03 ste củi; 02 máy kéo, 02 xe mô tô (xe máy); 03 máy cưa xăng; nộp ngân sách nhà nước 10.triệu đồng. Ngoài ra xử lý 05 vụ phá rừng trái phép với diện tích 20.608 m².

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng: Trong các năm qua xã Phước Tân thực hiện trồng rừng với diện tích 3,5 ha keo lại (do hộ dân tự trồng).

3. Công tác tổ chức cấm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp: Hiện nay đơn vị chủ rừng chưa thực hiện cấm mốc đối với phần diện tích được quy hoạch đưa ra 03 loại rừng.

4. Lập hồ sơ quản lý nương rẫy (kết quả quản lý diện tích đất nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng). Hiện nay UBND xã đã phối hợp Hạt KL huyện rà soát bóc tách tổng diện tích đất nương rẫy đan xen là 15,6ha thuộc khoảnh 10, tiểu khu 58a, hiện nay bà con đang canh tác với mục đích trồng cây lâu năm (cây điều..), cây hàng năm gồm Bắp địa phương, đậu...

5. Kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021, đặc biệt là chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn: Hiện tại UBND xã đang lập phương án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

- Công tác giao khoán bảo vệ rừng kết hợp triển khai mô hình sinh kế: Các hộ nhận giao khoán bảo vệ rừng không thực hiện kết hợp chăn nuôi.

- Kết quả trồng rừng, chăm sóc rừng theo các Chương trình, dự án : Không có

6. Tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 – 2021: 78,6%

7. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước chính quyền các cấp và hoạt động của Kiểm lâm về hoạt động lâm nghiệp tại địa phương.

- Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xây dựng Phương án, Kế hoạch QLBR &PTR, xây dựng Kế hoạch hàng tháng, báo cáo kịp thời cho công tác tuần tra,

truy quét, xây dựng các tổ đội quần chúng bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng, huy động lực lượng địa phương Dân quân tự vệ, các lực lượng và phương tiện khác trong việc phòng cháy chữa cháy rừng và chống phá rừng trái phép.

- Phát hiện những vụ phá rừng, khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép kịp thời cho Hạt trưởng Hạt Kiểm lâm và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ngăn chặn, xử lý kịp thời.

- Kiểm tra hoạt động Quản lý Bảo vệ rừng và Phát triển rừng, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện Pháp luật Bảo vệ và Phát triển rừng.

- Tham mưu UBND xây dựng Phương án PCCCR mùa khô 2021-2022 và Chống phá rừng năm 2022.

8. Mọi quan hệ giữa Kiểm lâm địa bàn và Chính quyền địa phương tốt, việc phối hợp với đơn vị chủ rừng trong việc triển khai công tác tuần tra, truy quét và Phòng cháy chữa cháy rừng được thực hiện tốt, đạt hiệu quả cao.

IV. Đánh giá chung:

1. Thuận lợi: 05 năm qua, công tác QLBRV trong năm đã có nhiều chuyển biến tích cực trong việc tuần tra, kiểm tra, truy quét nên tình hình khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép cơ bản được kiểm soát. Các tụ điểm khai thác mang tính chất quy mô không còn xảy ra. Số vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng trong thời gian qua chủ yếu xảy ra ở khu vực Thôn Ma Lâm.

Việc mua bán, chế biến gỗ trên địa bàn xã được kiểm tra thường xuyên. Tại địa bàn xã, có 01 cơ sở đang hoạt động, phần lớn các cơ sở hoạt động theo thời vụ, mỗi tháng hoạt động từ 10 - 15 ngày, có tháng không hoạt động, cơ sở mộc chủ yếu làm đồ mộc dân dụng phục vụ cho nhân dân tại địa phương.

Công tác Phòng cháy chữa cháy rừng nhờ có sự chuẩn bị chủ động đề phòng, canh trực thường xuyên nên trong năm không xảy ra vụ cháy rừng nào.

2. Một số tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Mặc dù đã đạt được một số kết quả như đã nêu trên nhưng nạn khai thác, vận chuyển lâm sản trái phép vẫn chưa chấm dứt do nhiều nguyên nhân như: do địa bàn xã rộng, địa hình phức tạp, phương tiện, công cụ hỗ trợ con người để phục vụ cho công tác bảo vệ rừng còn thiếu thốn, hạn chế; mặt khác, một số lâm tặc do lợi nhuận từ nghề rừng cao nên ngày càng tinh vi hơn, khai thác rừng bằng nhiều hình thức và thủ đoạn gây khó khăn trong việc tuần tra, kiểm tra; vẫn còn có một số đối tượng chưa có ý thức trong việc bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng.

- Yêu cầu thực tế về phương tiện, dụng cụ chữa cháy rừng vẫn chưa được trang bị đầy đủ; Công tác quy hoạch đất sản xuất chưa được thực hiện triệt để, đặc biệt là đất nương rẫy; ý thức bảo vệ rừng của một số bà con còn hạn chế. Do đó, tình trạng đốt nương làm rẫy là một trong những nguyên nhân dễ gây ra cháy rừng.

- Hỗ trợ kinh phí chưa kịp thời và không đáp ứng theo nhu cầu công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng.

V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo

- Tiếp tục tổ chức tuyên truyền mỗi thôn 02 đợt/năm/thôn, vào cuối mùa mưa năm trước và các tháng cao điểm trong mùa khô với hình thức, nội dung tuyên truyền, cụ thể như: Họp dân, phát thanh tuyên truyền nhằm phổ biến đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về QL-BVR nói chung, công tác PCCCR nói riêng.

- Tiếp tục thực hiện ký cam kết các hộ kinh doanh, nhân dân trên địa bàn không vi phạm lâm luật.

- Phối hợp triển khai nhiệm vụ PCCCR, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện PCCCR tại địa phương.

- Biện pháp lâm sinh: Phối kết hợp cùng đơn vị chủ rừng xây dựng đường băng cản lửa: phát dọn, xử lý sạch vật liệu khô có khả năng gây cháy, lợi dụng phát dọn ranh tiểu khu, lô rừng giao cho các cộng đồng các thôn nhận bảo vệ làm đường băng cản lửa.

- Theo dõi diễn biến rừng và đất rừng chặt chẽ.

- Chủ động tổ chức triển khai tốt công tác bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng.

- Kịp thời củng cố kiện toàn Ban chỉ huy về bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng từ xã đến thôn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Chỉ đạo cho Kiểm lâm địa bàn tham mưu tiếp tục tổ chức kiểm tra, truy quét thường xuyên ở các vùng trọng điểm, phối hợp với đơn vị chủ rừng làm tốt công tác tuần tra, kiểm tra trong lâm phần do chủ rừng quản lý.

- Công tác xây dựng và phát triển vốn rừng: Giám sát, kiểm tra đơn vị chủ rừng Công ty Lâm nghiệp Tân Tiến bằng các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ lâm sinh tác động trực tiếp đến công tác xây dựng vốn rừng, đồng thời quản lý về lâm nghiệp, các tổ chức xã hội bảo vệ rừng khi được giao.

- Phối hợp với các ngành, đoàn thể xã tiếp tục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội hàng năm gắn với các chương trình, mục tiêu quốc gia như: xóa đói giảm nghèo, chương trình 135,... để từng bước cải thiện đời sống cho người dân, từ đó hạn chế các hoạt động khai thác rừng trái phép.

VI. Đề xuất, kiến nghị:

Đối với cấp huyện:

- Đề nghị Ban chỉ huy Bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng của huyện thường xuyên chỉ đạo các ngành chuyên môn và đơn vị chủ rừng tăng cường phối, kết hợp với lực lượng Ban chỉ huy của xã để làm tốt công tác tuần tra, truy quét chống phá rừng và phòng cháy chữa cháy rừng tại địa bàn của xã.

- Đề nghị lãnh đạo Công ty Lâm nghiệp Tân Tiến phối hợp chặt chẽ hơn nữa, tạo điều kiện thuận lợi để Ban chỉ huy bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng của xã thực hiện Kế hoạch tuần tra, truy quét và phòng cháy chữa cháy rừng đạt hiệu quả.

- Đề nghị cấp trên duy trì hoạt động của 01 Tổ kiểm tra liên ngành địa phương trong công tác tuần tra, kiểm tra, truy quét chống phá rừng trong thời gian tới, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật trên địa bàn xã.

Trên đây là báo cáo thực hiện Chính sách, pháp luật về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn xã Phước Tân./.

Nơi nhận:

- UBND huyện Bác Ái;
- Trưởng, Phó BCH xã;
- TT ĐU, HĐND, UBND, UBMTTQ;
- Lưu: VT.

**KH. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Năng Xuân Nhã

Phụ biểu 01: Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016-2021

TT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Tuyên truyền bằng xe loa lưu động	Đợt							
2	Diễn tập PCCC cấp tỉnh	Đợt							
3	Diễn tập PCCC cấp huyện	Đợt							
4	Vận động hộ ký cam kết	Hộ	15	6	34	19	21	40	135
5	Họp dân tuyên truyền	Đợt	6	3	4	2	2	2	19
6	Lượt người họp tuyên truyền	Lượt người	590	425	255	125	182	210	1787
7	Hội thi tuyên truyền cấp tỉnh	HT							
8	Hội thi tuyên truyền cấp huyện	HT	1						1
9	Hội thi tuyên truyền cấp xã	HT	1						1

Phụ biểu 02: Số vụ cháy rừng từ 2016-2021

Mùa khô	Số vụ cháy	Diện tích cháy (ha)	Số vụ cháy được cứu chữa	Số người tham gia chữa cháy	Mức độ thiệt hại
2016	2	0,8	2	21	Cháy dưới tán
2017					Cháy dưới tán
2018	1		1	62	Cháy dưới tán
2019					Cháy dưới tán
2020					Cháy dưới tán
2021	1	0,12	1	25	Cháy dưới tán
Tổng					

Phụ biểu 03: Kết quả các vụ vi phạm QLBR từ 2016-2021

STT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Phá rừng trái phép					2 vụ (4.708m ²)	3 vụ (15.900m ²)	
2	VPQĐ về khai thác gỗ và lâm sản khác							
3	VPQĐ về sử dụng đất lâm nghiệp							
4	VPQĐ về QLĐV hoang dã							
5	Mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép				1,5ste củi		1,5ste củi	
6	VPQĐ về chế biến gỗ và lâm sản khác							
7	Vi phạm khác		2 vụ	12 vụ				
8	Tổng							

Phụ biểu 04: Kết quả xử lý vi phạm từ năm 2016-2021

Hạng mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1. Tổng số vụ đã xử lý (vụ):	7 vụ		12 vụ	5 vụ		2 vụ	26 vụ
2. Tịch thu:							
-Ôtô, máy kéo (chiếc)				1 chiếc		1 chiếc	
-Xe trâu bò kéo (chiếc)							
-Xe máy (chiếc)		01 chiếc					
-Phương tiện khác (chiếc)				01 Máy cưa xăng		02 Máy cưa xăng	
-Gỗ tròn (m ³)	5,296 m ³		5,982 m ³	1,465m ³		0,107m ³	
-Gỗ xẻ (m ³)		1,301 m ³					
-Giá trị LS ngoài gỗ (1.000 đồng)							
3. Thu nộp ngân sách nhà nước (đvt: 1.000 đồng)				5.000		5.000	10.000

